

## **THÁCH THỨC VÀ CƠ HỘI TRONG QUẢN LÝ CHẤT THẢI VÀ BAO BÌ BỀN VỮNG THEO HƯỚNG TIẾP CẬN ESG**

### **CHALLENGES AND OPPORTUNITIES IN SUSTAINABLE WASTE AND PACKAGING MANAGEMENT: AN ESG-ORIENTED APPROACH**

**Ngô Quảng Biên<sup>1\*</sup>, Đỗ Thị Thùy Vân<sup>2</sup>, Vũ Thị Thanh Hạnh<sup>3</sup>**

<sup>1</sup> Đại học Tài chính - Marketing

<sup>2</sup> Viện Nghiên cứu Kinh Tế

<sup>3</sup> Viện Doanh Nghiệp Việt Nam

\* ngobien@ufm.edu.vn

Ngày nhận bài:

25/7/2025

Ngày chấp nhận đăng:

19/8/2025

#### **ABSTRACTS**

**Keywords:** Sustainable Development, Environmental Policy, Packaging Recycling, Circular Value Chain, ESG Governance.

*Under increasing pressure from packaging waste pollution and the demands of green transition in international trade, managing packaging waste through an Environmental - Social - Governance (ESG) approach has become essential in Vietnam. This study adopts a mixed-methods approach, combining qualitative surveys, secondary document analysis, and case study evaluation to assess the current situation of packaging waste generation, collection, and treatment across major material categories. Grounded in an integrated theoretical framework-encompassing ESG, Circular Economy, Cradle to Cradle, Extended Producer Responsibility (EPR), and Stakeholder Theory-the study analyzes gaps between theoretical expectations and practical implementation of ESG across enterprises and regulatory bodies. The findings highlight key barriers, including lack of standardized eco-design for packaging, limited enterprise capacity for ESG compliance, and the absence of green finance mechanisms. Based on these insights, the research proposes a three-tiered strategy: (i) at the enterprise level, firms should embed ESG into packaging design and supply chains; (ii) at the governmental level, policymakers must improve legal frameworks, establish EPR data infrastructure, and promote access to green credit; (iii) at the industry association level, technical support and ESG dissemination efforts should be strengthened. This research contributes theoretically by applying a multi-framework model to sustainable packaging governance and offers practical policy directions to support Vietnam's transition toward circular and ESG-aligned systems by 2025-2030.*

#### **TÓM TẮT**

*Trước áp lực gia tăng từ ô nhiễm chất thải bao bì và yêu cầu chuyển đổi xanh trong thương mại quốc tế, việc quản lý chất thải bao bì theo hướng ESG (Environmental - Social - Governance) trở nên cấp thiết tại Việt Nam. Nghiên cứu sử dụng phương*

**Từ khóa:** Phát triển bền vững, Chính sách môi trường, Tái chế bao bì, Chuỗi giá trị tuần hoàn, Quản trị ESG.

*pháp hỗn hợp, kết hợp khảo sát định tính, phân tích tài liệu thứ cấp và nghiên cứu tình huống để đánh giá thực trạng phát sinh, thu gom và xử lý chất thải bao bì theo từng nhóm vật liệu. Trên nền tảng tích hợp các khung lý thuyết ESG, kinh tế tuần hoàn, Cradle to Cradle, Trách nhiệm mở rộng của nhà sản xuất (EPR) và lý thuyết các bên liên quan, nghiên cứu phân tích khoảng cách giữa lý thuyết và thực tiễn trong triển khai ESG tại doanh nghiệp và cơ quan quản lý. Kết quả cho thấy các rào cản lớn gồm: thiếu chuẩn hóa thiết kế bao bì, năng lực tuân thủ ESG hạn chế và thiếu cơ chế tài chính xanh. Từ đó, nghiên cứu đề xuất ba nhóm giải pháp: (i) Doanh nghiệp cần tích hợp ESG vào thiết kế và chuỗi cung ứng; (ii) Nhà nước cần hoàn thiện pháp luật, phát triển cơ sở dữ liệu EPR và hỗ trợ tín dụng xanh; (iii) Hiệp hội ngành cần hỗ trợ kỹ thuật và lan tỏa mô hình ESG. Nghiên cứu góp phần định hướng chính sách và thực tiễn trong quản lý bao bì bền vững giai đoạn 2025-2030.*

## 1. Giới thiệu

Trong bối cảnh toàn cầu đối mặt với khủng hoảng môi trường ngày càng gia tăng, ô nhiễm từ rác thải nhựa và bao bì khó phân hủy đã trở thành một trong những thách thức lớn nhất đối với phát triển bền vững. Theo Liên Hợp Quốc (2022), hơn 300 triệu tấn nhựa được sản xuất mỗi năm, chủ yếu phục vụ ngành bao bì, với khoảng 8 triệu tấn thải ra đại dương. Tại Đông Nam Á, Việt Nam nằm trong nhóm các quốc gia có mức phát sinh rác thải nhựa cao nhất, trong khi hệ thống thu gom, phân loại và tái chế vẫn còn phân tán và thiếu hiệu quả.

Để ứng phó với thực trạng này, khung tiếp cận ESG (Environmental - Social - Governance) đang nổi lên như một công cụ quản trị bền vững then chốt, giúp doanh nghiệp chuyển dịch từ mục tiêu lợi nhuận đơn thuần sang cân bằng các giá trị môi trường, xã hội và quản trị. ESG không chỉ trở thành tiêu chuẩn mới của nhà đầu tư mà còn là điều kiện cần trong chuỗi cung ứng toàn cầu, đặc biệt tại các thị trường xuất khẩu trọng điểm như EU, Hoa Kỳ và Nhật Bản. Trong lĩnh vực sản xuất và tiêu dùng bao bì, ESG đóng vai trò định hướng cho việc thiết kế sinh thái, cải thiện quy trình thu gom - tái chế, đồng thời minh bạch hóa trách nhiệm môi trường của doanh nghiệp.

Tại Việt Nam, quản lý chất thải bao bì đang đối diện nhiều thách thức, từ hạn chế về hạ tầng kỹ thuật, thiếu hụt nhận thức cộng đồng cho đến bất cập trong chính sách thực thi. Dù vậy, các động thái pháp lý gần đây như Luật Bảo vệ môi

trường 2020 và Nghị định 08/2022/NĐ-CP đã tạo nền tảng cho cơ chế Trách nhiệm mở rộng của nhà sản xuất (EPR), mở đường cho việc chuyển đổi từ mô hình tuyến tính sang kinh tế tuần hoàn.

Tuy nhiên, phần lớn các nghiên cứu hiện hành tại Việt Nam mới chỉ dừng lại ở khía cạnh chính sách hoặc kỹ thuật môi trường, thiếu sự tích hợp các khung lý thuyết ESG, EPR, mô hình kinh tế tuần hoàn và Cradle to Cradle để phân tích sâu thực tiễn ngành bao bì. Đồng thời, chưa có nhiều công trình khảo sát mối liên hệ giữa hành vi doanh nghiệp, thể chế chính sách và năng lực tài chính hóa ESG trong bối cảnh chịu sức ép hội nhập và chuyển đổi xanh.

Từ khoảng trống đó, nghiên cứu này được thực hiện nhằm phân tích thực trạng phát sinh, thu gom và xử lý chất thải bao bì tại Việt Nam; đánh giá khả năng triển khai ESG và EPR tại cấp doanh nghiệp; đồng thời đối chiếu các phát hiện thực tiễn với khung lý thuyết tích hợp bao gồm ESG, kinh tế tuần hoàn, mô hình Cradle to Cradle và lý thuyết các bên liên quan. Trên cơ sở đó, nghiên cứu đề xuất các định hướng chính sách và chiến lược nhằm thúc đẩy chuyển đổi ngành bao bì theo hướng bền vững trong giai đoạn 2025-2030.

## 2. Phương pháp nghiên cứu

Nghiên cứu này áp dụng phương pháp tiếp cận hỗn hợp, kết hợp giữa phân tích định tính, định chế và định lượng thứ cấp nhằm đánh giá khả năng triển khai mô hình quản lý chất thải

và bao bì bền vững theo hướng tiếp cận ESG tại Việt Nam. Phương pháp được lựa chọn nhằm phản ánh đầy đủ các chiều cạnh thể chế, hành vi doanh nghiệp và các yếu tố tài chính hóa ESG trong bối cảnh hội nhập.

Cụ thể, nghiên cứu gồm ba bước triển khai chính như sau:

(1) Tổng quan lý thuyết và thiết lập khung phân tích: Dựa trên phân tích tài liệu học thuật và chính sách trong giai đoạn 2018-2024, nhóm nghiên cứu xây dựng khung lý thuyết tích hợp từ các công trình về ESG (Porter & Kramer, 2011; IFC, 2023), mô hình kinh tế tuần hoàn (Ellen MacArthur Foundation, 2020), lý thuyết Cradle to Cradle (McDonough & Braungart, 2002), trách nhiệm mở rộng của nhà sản xuất - EPR (OECD, 2021), và lý thuyết các bên liên quan (Freeman, 1984). Từ đó hình thành mô hình phân tích ba lớp: (i) nền tảng ESG, (ii) cơ chế EPR, và (iii) sự tham gia của các chủ thể liên quan.

(2) Phân tích chính sách và dữ liệu thứ cấp: Nghiên cứu áp dụng phương pháp định chế để phân tích các văn bản pháp lý như Luật Bảo vệ môi trường 2020, Nghị định 08/2022/NĐ-CP và các thông tư hướng dẫn liên quan đến EPR và ESG. Đồng thời, dữ liệu thứ cấp về tài chính xanh và ESG được thu thập từ các báo cáo của IFC, ADB, Ngân hàng Nhà nước Việt Nam, cùng dữ liệu thống kê từ Fiingroup, VCCI và UNDP trong giai đoạn 2020-2024. Các biểu đồ được xây dựng nhằm minh họa sự gia tăng dòng vốn xanh, mức độ triển khai ESG và các chỉ số tái chế, phát thải trong ngành bao bì.

(3) Nghiên cứu tình huống điển hình (case study): Nhằm kiểm chứng mô hình lý thuyết và phân tích thực tiễn triển khai ESG - EPR tại doanh nghiệp, nhóm nghiên cứu lựa chọn các trường hợp điển hình gồm: Tetra Pak, PRO Vietnam, Vinamilk và Nestlé Việt Nam. Tiêu chí lựa chọn gồm: (i) đã triển khai ESG hoặc EPR; (ii) có hệ thống thu gom, tái chế bao bì; (iii) có công bố báo cáo phát triển bền vững hoặc ESG từ năm 2021 trở lại đây. Dữ liệu được thu thập từ

các báo cáo thường niên, website doanh nghiệp, báo cáo của UNDP, và các tài liệu liên quan của Bộ TN&MT.

Thời gian thực hiện nghiên cứu kéo dài từ tháng 10/2023 đến tháng 5/2024. Các phân tích được đối chiếu giữa lý thuyết và thực tiễn nhằm làm rõ khoảng cách, nguyên nhân và đề xuất chính sách thúc đẩy chuyển đổi. Đặc biệt, nhóm nghiên cứu sử dụng kỹ thuật phân loại nội dung theo chủ đề (thematic coding) để xử lý dữ liệu định tính và thiết lập các mô hình liên kết giữa ESG - hành vi doanh nghiệp - thể chế chính sách.

### **3. Kết quả nghiên cứu và thảo luận**

#### **3.1. Thực trạng phát sinh chất thải từ bao bì tại Việt Nam**

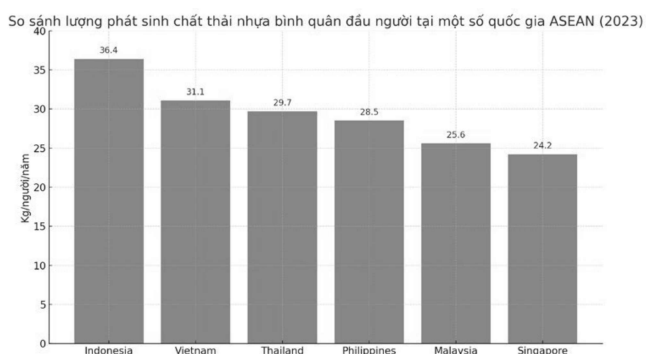
Sự gia tăng nhanh chóng của tiêu dùng và tốc độ đô thị hóa tại Việt Nam trong những năm gần đây đã dẫn đến sự bùng nổ về lượng chất thải bao bì, đặc biệt là bao bì nhựa dùng một lần. Theo Tổ chức Tài chính Quốc tế (IFC), trong năm 2023, tổng lượng tiêu thụ nhựa tại Việt Nam đạt khoảng 3,9 triệu tấn, trong đó bao bì chiếm tỷ trọng lớn trong các ngành hàng tiêu dùng nhanh (FMCG), thực phẩm và thương mại điện tử. Tuy nhiên, hệ thống quản lý chất thải hiện hành còn thiếu hiệu quả, dẫn đến tỷ lệ tái chế chỉ đạt khoảng 25%, phần lớn còn lại bị chôn lấp hoặc thải bỏ ra môi trường, gây áp lực nghiêm trọng lên hệ sinh thái đô thị và ven biển.

Đặc biệt, các loại bao bì phức hợp như bao bì đa lớp (multi-layered packaging) - vốn được sử dụng phổ biến trong ngành thực phẩm, nước giải khát - hiện gần như không thể xử lý hiệu quả do cấu trúc vật liệu hỗn hợp. Những loại bao bì này không đáp ứng nguyên tắc tái chế tuần hoàn theo mô hình Cradle to Cradle, khiến chúng trở thành “rác thải một chiều”, gia tăng gánh nặng cho hệ thống xử lý chất thải.

Một điểm nghẽn khác là hệ thống thu gom và phân loại rác tại nguồn vẫn chưa được triển khai đồng bộ. Mặc dù Luật Bảo vệ môi trường 2020 đã quy định về phân loại chất thải tại

nguồn, nhưng trên thực tế, theo thống kê của World Bank (2022) tỷ lệ thực hiện còn rất thấp tại Tp. Hồ Chí Minh và Hà Nội chỉ đạt khoảng 10-12%, trong khi khu vực nông thôn gần như không có. Bao bì tái chế thường bị lẫn vào rác hữu cơ và chất thải không tái chế, làm suy giảm chất lượng đầu vào cho hoạt động tái chế và gây lãng phí tài nguyên vật liệu.

Ở cấp độ khu vực, Việt Nam hiện đứng thứ hai trong ASEAN về lượng phát sinh chất thải nhựa hằng năm, chỉ sau Indonesia. Cập nhật của Fiingroup (2024) cho thấy mức phát sinh rác thải nhựa bình quân đầu người tại Việt Nam thuộc nhóm cao nhất trong khu vực. Điều này cho thấy sự thiếu hụt trong quản lý chất thải không chỉ là vấn đề kỹ thuật, mà còn phản ánh khoảng cách giữa tốc độ phát triển kinh tế và mức độ đáp ứng của hệ thống chính sách môi trường.



**Biểu đồ 1. So sánh phát sinh chất thải nhựa tại một số quốc gia ASEAN (2023)**  
(Nguồn: Fiingroup, 2024)

Tổng thể, thực trạng phát sinh chất thải từ bao bì tại Việt Nam phản ánh sự mất cân bằng giữa tăng trưởng tiêu dùng và năng lực quản trị môi trường. Khoảng cách này cho thấy sự thiếu hụt trong việc thực hiện trụ cột “E” (Môi trường) của ESG, đồng thời đặt ra yêu cầu cấp thiết phải tích hợp nguyên tắc thiết kế tuần hoàn, trách nhiệm mở rộng của nhà sản xuất (EPR), và chiến lược giảm thiểu phát thải từ bao bì vào hệ thống chính sách quản lý.

### 3.2. Hạ tầng tái chế và phân loại tại nguồn

Hạ tầng phục vụ phân loại rác tại nguồn và tái chế chất thải là yếu tố then chốt trong việc

triển khai hiệu quả cơ chế Trách nhiệm mở rộng của nhà sản xuất (EPR) và thúc đẩy kinh tế tuần hoàn trong ngành bao bì. Tuy nhiên, thực trạng tại Việt Nam cho thấy hệ thống hạ tầng này hiện còn thiếu đồng bộ, phân bổ không đều và chưa đáp ứng yêu cầu chuyển đổi sang mô hình phát triển bền vững.

Tỷ lệ phân loại rác tại nguồn hiện nay vẫn ở mức rất thấp, chủ yếu giới hạn trong các chương trình thí điểm tại một số đô thị lớn như Tp. Hồ Chí Minh, Hà Nội, Đà Nẵng. Hoạt động phân loại bao bì theo vật liệu (nhựa, giấy, kim loại, thủy tinh, hợp chất) chưa được thực hiện hiệu quả do thiếu hệ thống thu gom phân luồng chuyên biệt và cơ sở hạ tầng hậu cần hỗ trợ. Bao bì tái chế thường bị lẫn vào rác hữu cơ và rác không tái chế, làm suy giảm giá trị vật liệu và hiệu quả xử lý của toàn chuỗi.

Đáng chú ý, phần lớn hoạt động thu gom và tái chế hiện nay vẫn do khu vực phi chính thức đảm nhận - bao gồm các cá nhân, hộ gia đình thu gom ve chai và các cơ sở tái chế thủ công. Mặc dù mô hình này góp phần quan trọng vào việc thu hồi nguyên liệu, nhưng lại thiếu tính chuyên nghiệp, điều kiện vệ sinh, và sự liên kết với hệ thống chính thức trong thực hiện nghĩa vụ EPR. Tình trạng phân mảnh này làm giảm khả năng giám sát và truy vết nghĩa vụ tái chế của các nhà sản xuất theo yêu cầu của Nghị định 08/2022/NĐ-CP.

Mạng lưới các cơ sở tái chế chính quy cũng còn hạn chế về quy mô, năng lực xử lý và phân bố địa lý. Hầu hết các cơ sở tập trung tại khu vực phía Nam, trong khi miền Bắc và miền Trung vẫn thiếu hụt các nhà máy đủ tiêu chuẩn xử lý bao bì, đặc biệt là bao bì nhựa đa lớp. Việc đầu tư vào công nghệ phân loại tự động và tái chế tiên tiến, như mô hình dây chuyền của Tetra Pak tại Bình Dương, vẫn còn rất hiếm do chi phí cao và thiếu cơ chế hỗ trợ tài chính hiệu quả.

Ngoài ra, hạ tầng số - yếu tố quan trọng trong việc giám sát và minh bạch hóa nghĩa vụ EPR - vẫn chưa được vận hành đầy đủ. Việc thiếu nền tảng dữ liệu quốc gia, hệ thống mã

định danh chất thải, hay công giám sát điện tử khiến quá trình xác minh trách nhiệm doanh nghiệp và quản lý vòng đời vật liệu trở nên khó khăn, làm giảm hiệu quả thực thi các chính sách tái chế bắt buộc.

Tóm lại, hệ thống hạ tầng tái chế và phân loại tại nguồn tại Việt Nam hiện đang là điểm nghẽn nghiêm trọng, ảnh hưởng trực tiếp đến khả năng thực thi hiệu quả các tiêu chuẩn ESG và cơ chế EPR trong ngành bao bì. Khoảng trống này đặt ra yêu cầu cấp thiết về một chiến lược đầu tư tổng thể - kết hợp giữa hạ tầng vật lý (nhà máy, công nghệ) và hạ tầng số (dữ liệu, giám sát) - nhằm hỗ trợ quá trình chuyển đổi sang mô hình kinh tế tuần hoàn có kiểm chứng và minh bạch.

### **3.3. Khung pháp lý ESG và EPR**

Khung pháp lý về quản lý chất thải và bao bì tại Việt Nam đã có những bước tiến quan trọng trong thập kỷ qua, đặc biệt với việc ban hành Luật Bảo vệ môi trường năm 2020 và Nghị định số 08/2022/NĐ-CP. Đây là lần đầu tiên pháp luật quốc gia thiết lập một cơ chế bắt buộc về Trách nhiệm mở rộng của nhà sản xuất (Extended Producer Responsibility - EPR), chính thức chuyển hướng chính sách quản lý chất thải từ mô hình tuyến tính sang mô hình kinh tế tuần hoàn.

Theo quy định tại Điều 54 và 55 của Luật Bảo vệ môi trường, các tổ chức, cá nhân sản xuất hoặc nhập khẩu bao bì có trách nhiệm thu gom, tái chế hoặc đóng góp tài chính để xử lý chất thải phát sinh sau sử dụng. Nghị định 08/2022/NĐ-CP cụ thể hóa cơ chế này thông qua việc phân loại bao bì thành sáu nhóm chính (giấy, nhựa, kim loại, thủy tinh, đa vật liệu và khó phân hủy), với các tỷ lệ tái chế tối thiểu được quy định cho từng nhóm. Đối với bao bì phức hợp như hộp giấy nhiều lớp (ví dụ: Tetra Pak), pháp luật khuyến nghị nộp tài chính thay vì tái chế trực tiếp do hạn chế về công nghệ xử lý.

Doanh nghiệp được lựa chọn giữa hai phương thức thực hiện nghĩa vụ: (1) trực tiếp thu

gom và tái chế, có xác nhận của cơ quan quản lý nhà nước; hoặc (2) đóng góp tài chính vào Quỹ Bảo vệ môi trường Việt Nam để Nhà nước tổ chức tái chế thông qua cơ chế đấu thầu. Cách tiếp cận này tạo sự linh hoạt cho doanh nghiệp, song đồng thời đòi hỏi hệ thống giám sát minh bạch và nền tảng dữ liệu điện tử đồng bộ để đảm bảo hiệu lực và hiệu quả thực thi.

Tuy nhiên, việc triển khai EPR trên thực tế còn gặp nhiều rào cản đáng kể. Trước hết, hệ thống dữ liệu điện tử quốc gia để giám sát nghĩa vụ EPR của doanh nghiệp hiện vẫn chưa hoàn thiện, dẫn đến tình trạng thiếu minh bạch và khó đánh giá mức độ tuân thủ. Thứ hai, các quy định về xác định trách nhiệm tái chế trong trường hợp bao bì được nhập khẩu, phân phối qua nhiều tầng trung gian hoặc bán hàng thương mại điện tử còn thiếu rõ ràng, khiến việc truy vết và thực thi gặp khó khăn. Thứ ba, EPR chưa được tích hợp một cách đồng bộ với các chính sách hỗ trợ như tín dụng xanh, ưu đãi thuế môi trường hoặc các tiêu chí công nhận bao bì sinh thái, khiến doanh nghiệp không có động lực mạnh mẽ để chuyển đổi.

Về khía cạnh ESG nói chung, hiện nay Việt Nam vẫn chưa ban hành một bộ tiêu chuẩn ESG ngành bao bì hay hệ thống báo cáo phi tài chính bắt buộc. Các quy định hiện hành mang tính định hướng khung, chủ yếu dừng ở mức khuyến khích, chưa có lộ trình cụ thể để chuẩn hóa thông tin ESG, dẫn đến tình trạng thiếu thống nhất trong đánh giá và so sánh giữa các doanh nghiệp.

Tóm lại, khung pháp lý hiện hành đã tạo nền móng cần thiết cho việc thực hiện ESG và EPR trong ngành bao bì. Tuy nhiên, để các quy định này phát huy hiệu quả thực chất, cần tiếp tục hoàn thiện hệ thống pháp lý theo hướng: thiết lập nền tảng dữ liệu điện tử quốc gia về nghĩa vụ tái chế, làm rõ cơ chế truy vết trách nhiệm với bao bì nhập khẩu và thương mại số, chuẩn hóa bộ tiêu chuẩn ESG ngành, đồng thời tích hợp EPR với các công cụ kinh tế hỗ trợ doanh nghiệp chuyển đổi bền vững.

Việc này không chỉ giúp nâng cao hiệu lực thực thi chính sách mà còn góp phần củng cố trụ cột “G” (Governance) trong ESG - yếu tố trung tâm bảo đảm tính minh bạch, trách nhiệm giải trình và giám sát hiệu quả trong quản trị môi trường.

### **3.4. Thực tiễn triển khai trong doanh nghiệp**

Trong bối cảnh hội nhập sâu rộng và áp lực tuân thủ các tiêu chuẩn phát triển bền vững ngày càng tăng từ thị trường quốc tế, một số doanh nghiệp lớn tại Việt Nam đã chủ động tích hợp các yếu tố ESG và triển khai cơ chế EPR như một phần trong chiến lược kinh doanh. Các sáng kiến này không chỉ phản ánh năng lực tuân thủ pháp luật trong nước, mà còn cho thấy sự thích ứng chiến lược với xu thế toàn cầu về minh bạch chuỗi cung ứng và truy xuất nguồn gốc phát thải.

Một điển hình tiêu biểu là Tetra Pak - doanh nghiệp tiên phong trong xử lý bao bì giấy nhiều lớp, vốn là một trong những loại vật liệu phức hợp khó tái chế. Để giải quyết vấn đề này, Tetra Pak đã hợp tác với Công ty Cổ phần Giấy Đồng Tiến đầu tư một dây chuyền tái chế chuyên dụng tại Bình Dương, cho phép tách lớp và thu hồi vật liệu từ hộp giấy. Bên cạnh đó, doanh nghiệp thiết lập hơn 90 điểm thu gom tại các thành phố lớn, đặc biệt tại trường học và siêu thị. Mô hình này thể hiện sự kết hợp hiệu quả giữa công nghệ xử lý, cơ chế EPR và truyền thông cộng đồng - qua đó hiện thực hóa trụ cột “E” (Môi trường) và “S” (Xã hội) trong ESG.

PRO Vietnam (Packaging Recycling Organization Vietnam), thành lập năm 2019, là một liên minh tự nguyện gồm hơn 20 doanh nghiệp tiêu dùng lớn như Coca-Cola, Nestlé, PepsiCo, Unilever và FrieslandCampina, với mục tiêu thúc đẩy hệ sinh thái tái chế bao bì tại Việt Nam. PRO Vietnam không trực tiếp xử lý rác thải mà đóng vai trò điều phối, kết nối giữa doanh nghiệp - đơn vị tái chế - chính quyền. Các hoạt động tiêu biểu bao gồm: hỗ trợ xây dựng trạm thu gom cố định và lưu động tại Quận 1 (TP.HCM), nâng cao năng lực tái chế tại cơ sở

địa phương và phát triển hệ thống cơ sở dữ liệu dùng chung để theo dõi nghĩa vụ EPR. Những hành động này cho thấy khả năng thiết lập hạ tầng quản trị (Governance) và nâng cao tính minh bạch trong báo cáo ESG của khối doanh nghiệp FDI.

Ngoài các doanh nghiệp dẫn đầu, một số công ty nội địa và liên doanh cũng từng bước tiếp cận ESG và EPR. Vinamilk triển khai chương trình phân loại rác tại nguồn tại nhà máy và cộng đồng, đồng thời hợp tác với đơn vị tái chế để xử lý vỏ hộp sữa. Nestlé Việt Nam cam kết đến năm 2025 sẽ sử dụng 100% bao bì có thể tái chế hoặc tái sử dụng, và giảm 50% lượng nhựa nguyên sinh. Cả hai doanh nghiệp đều công bố báo cáo phát triển bền vững hàng năm, trong đó quản lý bao bì là một chỉ số trọng yếu.

Tuy nhiên, thực tiễn cũng cho thấy sự phân hóa rõ nét giữa nhóm doanh nghiệp tiên phong và phần còn lại. Theo báo cáo *From Ambition to Impact* (PricewaterhouseCoopers Vietnam, 2022), phần lớn doanh nghiệp nhỏ và vừa (DNVV) chưa triển khai báo cáo ESG, thiếu kiến thức về các chuẩn mực quốc tế như GRI, SASB, TCFD, và chưa xác lập hệ thống nội bộ để thực hiện nghĩa vụ EPR. Điều này cho thấy ESG vẫn chưa được thể chế hóa sâu rộng trong toàn ngành bao bì, đặc biệt là tại khu vực doanh nghiệp trong nước và doanh nghiệp quy mô nhỏ.

Tóm lại, một số doanh nghiệp đầu ngành đã và đang đóng vai trò dẫn dắt trong việc triển khai ESG và EPR, thông qua các sáng kiến tái chế, công bố thông tin minh bạch và hợp tác trong hệ sinh thái bao bì tuần hoàn. Tuy nhiên, để nhân rộng mô hình này, cần có sự hỗ trợ toàn diện từ chính sách, đặc biệt trong việc chuẩn hóa báo cáo ESG, phát triển thị trường tái chế và thiết lập cơ chế tài chính xanh. Việc thể chế hóa ESG không thể chỉ dựa vào cam kết tự nguyện, mà cần được chuyển hóa thành thực hành phổ biến thông qua các công cụ điều tiết phù hợp với quy mô và năng lực doanh nghiệp Việt Nam.

### 3.5. Thách thức trong tiếp cận ESG

Việc triển khai ESG trong lĩnh vực bao bì tại Việt Nam đang đối mặt với nhiều thách thức, đặc biệt là trong bối cảnh phần lớn doanh nghiệp chưa có nền tảng về quản trị bền vững và thiếu công cụ tích hợp ESG vào chiến lược kinh doanh. Các trở ngại chính có thể được chia thành ba nhóm: hạn chế từ phía doanh nghiệp, rào cản hành vi người tiêu dùng, và thiếu đồng bộ trong chính sách hỗ trợ.

Thứ nhất, thách thức nội tại của doanh nghiệp - đặc biệt là khối DNNVV đến từ khoảng trống nhận thức, năng lực tổ chức và thiếu nguồn lực chuyên trách về ESG. Theo báo cáo *From Ambition to Impact* của PwC Vietnam và VCCI (2023) chỉ 28% doanh nghiệp có bộ phận hoặc nhân sự phụ trách ESG, trong khi hơn 60% không biết bắt đầu từ đâu. Khoảng 73% chưa từng được đào tạo bài bản về các chuẩn mực quốc tế như GRI, TCFD hay SASB. Ngoài ra, 64% doanh nghiệp không có công cụ đo lường hiệu quả ESG và 83% không có dữ liệu về tác động môi trường - xã hội trong chuỗi cung ứng. Điều này cho thấy trụ cột “S” và “G” trong ESG - liên quan đến năng lực tổ chức, minh bạch hóa và gắn kết trách nhiệm xã hội - chưa được thể chế hóa rõ ràng trong nội bộ doanh nghiệp Việt Nam.

Thứ hai, người tiêu dùng - một mắt xích quan trọng trong chuỗi giá trị bao bì tuần hoàn - vẫn chưa có nhận thức và hành vi phù hợp với nguyên tắc ESG. Theo khảo sát của NielsenIQ Vietnam (2023), khoảng 55% người tiêu dùng Việt Nam cho biết họ cân nhắc yếu tố *bền vững* khi mua hàng; 43% cho rằng *tiện lợi* là yếu tố quan trọng nhất; và 32% ưu tiên bao bì có thể tái chế. Kết quả này cho thấy tồn tại một khoảng cách đáng kể giữa *giá trị mong muốn* và *hành vi thực tế* trong quyết định tiêu dùng (NielsenIQ Vietnam, 2023). Theo số liệu của Bộ Tài nguyên và Môi trường (2023), tỷ lệ phân loại rác tại nguồn tại các đô thị lớn chỉ đạt 10-12%, còn khu vực nông thôn gần như không thực hiện. Tình trạng bao bì tái chế bị trộn lẫn với rác hữu cơ

khiến toàn bộ hệ thống tái chế mất hiệu quả, làm suy giảm giá trị vòng đời vật liệu. Điều này cho thấy trụ cột “S” trong ESG - ở chiều cộng đồng - vẫn còn yếu và chưa tạo áp lực thị trường đủ lớn để thúc đẩy doanh nghiệp thay đổi.

Thứ ba, hệ thống chính sách hỗ trợ triển khai ESG còn thiếu đồng bộ và chậm cụ thể hóa. Mặc dù Luật Bảo vệ môi trường 2020 và Nghị định 08/2022/NĐ-CP đã tạo nền tảng cho cơ chế EPR, nhưng thiếu các hướng dẫn chuyên ngành, tiêu chuẩn ESG ngành bao bì, và hệ thống báo cáo phi tài chính bắt buộc. Các chính sách tín dụng xanh, ưu đãi thuế môi trường và hỗ trợ đổi mới sáng tạo trong thiết kế bao bì sinh học vẫn còn phân tán và mang tính thử nghiệm. Việc chưa có nền tảng dữ liệu số quốc gia để theo dõi, đánh giá và kiểm chứng nghĩa vụ ESG - EPR khiến quá trình thực thi bị lệ thuộc vào cam kết tự nguyện, thiếu tính cưỡng chế và đo lường hiệu quả.

Tổng thể, những thách thức trên phản ánh sự chưa sẵn sàng về thể chế, nhận thức xã hội và năng lực doanh nghiệp trong việc chuyển đổi sang mô hình quản trị ESG toàn diện. Nếu không có sự can thiệp mạnh mẽ từ chính sách công và định hướng thị trường, ESG khó có thể trở thành thực hành phổ biến trong ngành bao bì, mà sẽ chỉ dừng lại ở một số doanh nghiệp tiên phong có tiềm lực.

### 3.6. Cơ hội từ ESG trong quản lý bao bì và chất thải

Trong bối cảnh chuyển dịch toàn cầu sang nền kinh tế xanh, ESG không còn chỉ là một chuẩn mực đạo đức, mà đã trở thành công cụ chiến lược giúp doanh nghiệp nâng cao năng lực cạnh tranh, tiếp cận nguồn tài chính bền vững và hội nhập chuỗi giá trị quốc tế. Đối với ngành bao bì, ESG mở ra nhiều cơ hội đáng kể trên các phương diện: thị trường xuất khẩu, tín dụng xanh, đổi mới công nghệ và uy tín thương hiệu.

Thứ nhất, áp lực từ các thị trường xuất khẩu lớn đang trở thành động lực thúc đẩy doanh nghiệp cải tiến bao bì theo hướng bền

vững. Mặc dù bao bì chưa thuộc nhóm hàng hóa chịu thuế trực tiếp trong giai đoạn đầu thực thi Cơ chế điều chỉnh biên giới carbon của EU (CBAM), nhưng các ngành xuất khẩu sử dụng bao bì - như dệt may, thực phẩm, điện tử - sẽ phải khai báo phát thải theo chuỗi giá trị, bao gồm cả bao bì. Các nhà nhập khẩu châu Âu ngày càng yêu cầu sản phẩm phải sử dụng bao bì có thể tái chế, có truy xuất nguồn gốc vật liệu và minh bạch hóa dấu chân carbon. Điều này tạo áp lực thay đổi nhưng đồng thời mở ra cơ hội lớn cho các doanh nghiệp đầu tư vào thiết kế bao bì sinh học, nhẹ hóa cấu trúc và đóng gói tuần hoàn - thể hiện rõ vai trò của trụ cột “E” (Môi trường) trong ESG.

Thứ hai, ESG tạo điều kiện thuận lợi để doanh nghiệp tiếp cận nguồn vốn xanh, tín dụng ưu đãi và thị trường trái phiếu bền vững. Tại Việt Nam, nhiều ngân hàng như BIDV, Vietcombank, TPBank đã triển khai sản phẩm tín dụng xanh với điều kiện công bố ESG. Các tổ chức quốc tế như IFC, ADB cũng ưu tiên tài trợ cho các dự án đầu tư vào tái chế, bao bì sinh học và xử lý chất thải có kiểm soát. Đơn cử, Công ty Bao bì Lê Long (Long An) đã nhận khoản vay ưu đãi 5 triệu USD từ IFC để đầu tư dây chuyền tái chế nhựa HDPE và PP, với cam kết công bố kết quả ESG minh bạch. Ngoài ra, tổng giá trị trái phiếu xanh phát hành tại Việt Nam năm 2023 đạt hơn 10.000 tỷ đồng, trong đó có nhiều dự án thuộc lĩnh vực bao bì, tái chế và xử lý chất thải. Những ví dụ này cho thấy ESG không chỉ là nghĩa vụ mà còn là chìa khóa mở rộng khả năng huy động vốn.

Thứ ba, ESG góp phần nâng cao uy tín thương hiệu và khả năng tiếp cận chuỗi cung ứng toàn cầu. Trong xu thế tiêu dùng có trách nhiệm, các đối tác quốc tế và người tiêu dùng ngày càng ưu tiên sản phẩm có bao bì thân thiện với môi trường và minh bạch thông tin ESG. Bao bì không đạt tiêu chuẩn ESG có thể làm tăng lượng carbon tính thuế trong toàn bộ sản phẩm, từ đó làm giảm khả năng cạnh tranh. Ngược lại, các doanh nghiệp chủ động đổi mới bao bì, công bố thông tin phát thải và tuân thủ

tiêu chuẩn quốc tế sẽ có lợi thế trong đàm phán, nâng cao niềm tin đối tác và khả năng duy trì vị thế trong chuỗi giá trị.

Thứ tư, ESG khuyến khích đổi mới sáng tạo trong thiết kế vật liệu, mô hình kinh doanh và ứng dụng công nghệ. Tại Việt Nam, một số doanh nghiệp khởi nghiệp đã ứng dụng vật liệu sinh học như tinh bột sắn, bã mía hoặc rong biển để sản xuất bao bì phân hủy sinh học. Một số mô hình tích hợp công nghệ AI trong phân loại rác tại nguồn hoặc truy xuất vòng đời bao bì bằng blockchain cũng đã được thử nghiệm. Các chương trình hỗ trợ như Green Innovation Grant do Chương trình Phát triển Liên Hợp Quốc (UNDP) phối hợp với Bộ Kế hoạch và Đầu tư (MPI) triển khai năm 2023 đang từng bước thúc đẩy hệ sinh thái đổi mới sáng tạo gắn với ESG, tập trung vào các giải pháp sản xuất bền vững, tiết kiệm tài nguyên và giảm phát thải khí nhà kính (United Nations Development Programme & Bộ Kế hoạch và Đầu tư, 2023).

Tóm lại, ESG mang lại những cơ hội chiến lược trên nhiều phương diện cho ngành bao bì, từ khả năng tiếp cận thị trường và tài chính xanh cho đến nâng cao thương hiệu và năng lực đổi mới. Tuy nhiên, để khai thác các cơ hội này một cách bền vững, các doanh nghiệp cần chuyển từ tiếp cận hình thức sang tích hợp ESG vào cốt lõi chiến lược, đồng thời Nhà nước cần hoàn thiện hành lang pháp lý, tiêu chuẩn kỹ thuật và công cụ tài chính hỗ trợ. Việc kết nối cơ hội thị trường với năng lực thực thi ESG sẽ là yếu tố quyết định khả năng chuyển đổi thực chất của toàn ngành trong giai đoạn 2025-2030.

### **3.7. Đối chiếu kết quả với lý thuyết ESG và đề xuất chính sách**

Nghiên cứu này được xây dựng dựa trên khung lý thuyết tích hợp các mô hình và học thuyết nền tảng gồm: ESG (Environmental - Social - Governance), kinh tế tuần hoàn (Circular Economy), Trách nhiệm mở rộng của nhà sản xuất (EPR), Cradle to Cradle và lý thuyết các bên liên quan (Stakeholder Theory). Những khung tiếp cận này đặt nền tảng cho việc



đánh giá sự phù hợp và khoảng cách giữa kỳ vọng lý luận và thực tiễn quản lý chất thải bao bì tại Việt Nam. Theo lý thuyết ESG, trụ cột “E” đòi hỏi doanh nghiệp kiểm soát vòng đời sản phẩm, giảm phát thải và sử dụng tài nguyên hiệu quả; trụ cột “S” liên quan đến tác động xã hội, hành vi người tiêu dùng và cam kết cộng đồng; trong khi “G” tập trung vào tính minh bạch, trách nhiệm giải trình và quản trị rủi ro. Thực tế cho thấy, phần lớn doanh nghiệp mới tập trung vào khía cạnh “E”, trong khi “S” và “G” vẫn còn yếu, đặc biệt ở nhóm DNNVV. Cradle to Cradle nhấn mạnh yêu cầu thiết kế sản phẩm sao cho vật liệu có thể tái sinh hoàn toàn, không trở thành chất thải vĩnh viễn. Tuy nhiên, phần lớn bao bì hiện nay - đặc biệt là loại đa lớp, hợp chất - vẫn chưa đáp ứng được tiêu chí này. Như đã phân tích, tỷ lệ tái chế nhựa tại Việt Nam chỉ đạt khoảng 25%, và bao bì phức hợp gần như không thể xử lý bằng công nghệ thông thường. Điều này phản ánh một khoảng cách đáng kể giữa yêu cầu thiết kế tuần hoàn và thực tế sản xuất - tiêu dùng tại Việt Nam. Về lý thuyết EPR, nhà sản xuất có trách nhiệm sau khi sản phẩm được tiêu dùng, bao gồm thu gom, tái chế hoặc đóng góp tài chính. Luật Bảo vệ môi trường 2020 và Nghị định 08/2022/NĐ-CP đã thể chế hóa cơ chế này, song việc thực thi còn nhiều hạn chế: thiếu nền tảng dữ liệu điện tử, chưa có cơ chế truy vết hiệu quả đối với bao bì nhập khẩu hoặc hàng bán qua thương mại điện tử, và thiếu các công cụ tài chính khuyến khích thực hiện. Điều này cho thấy mô hình EPR tại Việt Nam mới dừng ở mức khởi đầu, chưa trở thành hệ thống vận hành hiệu quả như trong kỳ vọng học thuật. Lý thuyết các bên liên quan yêu cầu có sự tham gia tích cực của doanh nghiệp, Nhà nước, người tiêu dùng và các tổ chức trung gian để hình thành hệ sinh thái tuần hoàn. Tuy nhiên, thực tế cho thấy sự phối hợp giữa các bên vẫn rời rạc. Người tiêu dùng chưa có hành vi tiêu dùng xanh nhất quán; doanh nghiệp nhỏ thiếu thông tin và năng lực thực thi; chính sách chưa có công cụ thực thi hiệu quả hoặc lộ trình áp dụng rõ ràng; các hiệp hội ngành nghề chưa đóng vai trò hỗ trợ chuyển

đổi đủ mạnh. Tình trạng này cho thấy khoảng cách đáng kể giữa vai trò kỳ vọng của từng chủ thể trong lý thuyết và mức độ tham gia thực tế. Từ sự đối chiếu trên, có thể thấy rằng mô hình ESG - EPR - Cradle to Cradle - Stakeholder Theory tuy cung cấp nền tảng lý luận vững chắc, nhưng quá trình chuyển hóa các nguyên lý này vào thực tiễn quản lý bao bì tại Việt Nam vẫn còn gặp nhiều rào cản thể chế, hành vi và năng lực triển khai. Đặc biệt, thiếu dữ liệu đáng tin cậy, cơ chế minh bạch và hệ thống chính sách liên ngành đang là điểm nghẽn cản trở ESG trở thành thực hành phổ biến thay vì chỉ là cam kết hình thức. Tuy vậy, cũng có những tín hiệu tích cực từ các doanh nghiệp tiên phong và các mô hình thí điểm hiệu quả. Việc huy động tài chính xanh, thiết lập hệ thống thu gom và đầu tư vào dây chuyền tái chế hiện đại (như trường hợp Tetra Pak, PRO Vietnam) là minh chứng cho khả năng vận hành ESG thực chất khi có sự kết hợp giữa quyết tâm doanh nghiệp và hỗ trợ chính sách phù hợp.

Từ những khoảng cách nêu trên, có thể đề xuất ba nhóm giải pháp tương ứng với từng cấp chủ thể nhằm thu hẹp khoảng cách giữa lý thuyết và thực tiễn triển khai ESG trong quản lý bao bì tại Việt Nam. Thứ nhất, ở cấp doanh nghiệp, cần chuẩn hóa ESG như một hệ thống quản trị nội bộ. Cụ thể, doanh nghiệp nên thiết lập hệ thống kế toán ESG để đo lường tác động và tích hợp các chỉ số phi tài chính vào báo cáo thường niên; áp dụng các chuẩn công bố như GRI, SASB hoặc IFRS S1-S2 để tăng tính minh bạch và tuân thủ trụ cột “G”. Về mặt sản phẩm, cần đổi mới thiết kế theo nguyên lý Cradle to Cradle, sử dụng vật liệu đơn chất, thân thiện môi trường và dễ tái chế. Đồng thời, doanh nghiệp nên tham gia các liên minh như PRO Vietnam để kết nối tái chế - sản xuất, và tổ chức đào tạo nội bộ nhằm nâng cao năng lực ESG, đặc biệt cho nhóm DNNVV vốn đang thiếu kiến thức và nguồn lực triển khai thực chất.

Thứ hai, ở cấp Nhà nước, cần hoàn thiện thể chế và công cụ điều tiết nhằm hỗ trợ chuyển đổi hệ thống bao bì theo hướng tuần hoàn. Trước

hết, cần ban hành bộ tiêu chuẩn ESG riêng cho ngành bao bì và áp dụng cơ chế công bố phi tài chính bắt buộc đối với các doanh nghiệp thuộc chuỗi cung ứng có phát sinh bao bì. Hệ thống dữ liệu điện tử quốc gia cũng cần được thiết lập để hỗ trợ giám sát nghĩa vụ EPR và truy xuất vòng đời sản phẩm. Bên cạnh đó, Nhà nước cần làm rõ trách nhiệm mở rộng với bao bì nhập khẩu, hàng thương mại điện tử và sản phẩm đa cấp phân phối - đây là lỗ hổng đang tồn tại trong thực tiễn áp dụng EPR tại Việt Nam. Cuối cùng, để khuyến khích đổi mới sáng tạo, cần thiết kế chính sách tài chính xanh như tín dụng ưu đãi, ưu đãi thuế môi trường và hỗ trợ kỹ thuật cho các doanh nghiệp đầu tư vào công nghệ tái chế và bao bì sinh học.

Thứ ba, đối với tổ chức trung gian và hiệp hội ngành, cần thúc đẩy vai trò điều phối và lan tỏa mô hình thực hành ESG trong cộng đồng doanh nghiệp. Trước hết, hiệp hội nên xây dựng bộ chỉ số ESG ngành bao bì và công cụ tự đánh giá để doanh nghiệp làm quen với chuẩn mực mới. Tiếp theo, cần triển khai các chương trình đào tạo kỹ thuật, truyền thông hành vi tiêu dùng xanh, và hỗ trợ kết nối doanh nghiệp với các quỹ đầu tư xanh, tổ chức phát hành trái phiếu bền vững và đơn vị cung ứng công nghệ tái chế. Việc thúc đẩy hợp tác và lan tỏa mô hình thí điểm sẽ đóng vai trò then chốt trong việc hình thành mạng lưới stakeholder tuần hoàn - một điều kiện thiết yếu để lý thuyết ESG đi vào thực tiễn một cách hiệu quả và bền vững.

#### **4. Kết luận**

Nghiên cứu này đã làm rõ mối quan hệ giữa khung lý thuyết ESG, kinh tế tuần hoàn, EPR, Cradle to Cradle và thực tiễn quản lý chất thải bao bì tại Việt Nam. Trong bối cảnh ô nhiễm nhựa và bao bì ngày càng trầm trọng, việc tích hợp ESG không chỉ là yêu cầu từ thị trường xuất khẩu và nhà đầu tư, mà còn là nền tảng để xây dựng chiến lược phát triển bền vững của ngành bao bì trong nước.

Từ các dữ liệu định tính và định lượng thu thập được, nghiên cứu chỉ ra rằng mặc dù Việt

Nam đã bước đầu xây dựng hành lang pháp lý (Luật BVMT 2020, Nghị định 08/2022/NĐ-CP) và có một số mô hình doanh nghiệp tiên phong, nhưng việc triển khai ESG trong thực tiễn vẫn đối mặt với nhiều rào cản. Các trụ cột “S” và “G” trong ESG chưa được thể chế hóa rõ ràng trong doanh nghiệp, hệ thống chính sách còn thiếu đồng bộ, và hành vi người tiêu dùng chưa tạo ra áp lực đủ lớn để thúc đẩy mô hình tuần hoàn.

Khoảng cách giữa lý thuyết và thực tiễn được phân tích trong nghiên cứu đã làm rõ những điểm nghẽn trong năng lực doanh nghiệp, cơ sở hạ tầng chính sách và mức độ phối hợp của các bên liên quan. Trên cơ sở đó, nghiên cứu đề xuất các nhóm giải pháp theo ba cấp: doanh nghiệp cần tích hợp ESG vào chiến lược vận hành và thiết kế sản phẩm; Nhà nước cần hoàn thiện khung thể chế, dữ liệu và cơ chế tài chính xanh; còn các hiệp hội, tổ chức trung gian cần đóng vai trò lan tỏa chuẩn mực và hỗ trợ thực thi.

Về mặt học thuật, nghiên cứu đóng góp vào việc áp dụng tích hợp các khung lý thuyết ESG, Cradle to Cradle, EPR và Stakeholder vào lĩnh vực quản lý chất thải bao bì tại các nước đang phát triển. Về thực tiễn, nghiên cứu đưa ra các đề xuất cụ thể để hỗ trợ chuyển đổi ngành bao bì tại Việt Nam giai đoạn 2025 - 2030 theo hướng tuần hoàn và minh bạch.

Tuy vậy, nghiên cứu vẫn còn một số hạn chế như phạm vi khảo sát còn thu hẹp ở một số địa phương và doanh nghiệp có quy mô trung bình trở lên. Trong tương lai, các nghiên cứu tiếp theo nên mở rộng đối tượng khảo sát sang các doanh nghiệp siêu nhỏ, người tiêu dùng ở khu vực nông thôn, và tích hợp phân tích dữ liệu thứ cấp từ hệ thống báo cáo ESG - EPR khi hệ thống này được hoàn thiện. Ngoài ra, nghiên cứu cũng khuyến nghị tăng cường tiếp cận các công cụ định lượng nâng cao như mô hình SEM hoặc phân tích mạng stakeholder để làm rõ vai trò và tương tác giữa các chủ thể trong chuỗi giá trị bao bì tuần hoàn.

## TÀI LIỆU THAM KHẢO

- Asian Development Bank. (2021). *Asian Development Outlook 2021: Financing a green and inclusive recovery*. Asian Development Bank.
- Bộ Tài nguyên và Môi trường. (2022). *Hướng dẫn thực hiện trách nhiệm tái chế của tổ chức, cá nhân sản xuất, nhập khẩu bao bì*. Hà Nội.
- Bộ Tài nguyên và Môi trường. (2023). *Báo cáo hiện trạng môi trường quốc gia 2023*. Hà Nội: Nhà xuất bản Tài nguyên - Môi trường và Bản đồ Việt Nam.
- Ellen MacArthur Foundation. (2020). *The Circular Economy: A Transformative Covid19 Recovery Strategy*.
- European Commission. (2018). *A European Strategy for Plastics in a Circular Economy*. Brussels: DirectorateGeneral for Environment.
- Fiingroup. (2024). *Vietnam plastic waste market report 2024*. Fiingroup
- Freeman, R. E. (1984). *Strategic management: A stakeholder approach*. Pitman.
- International Finance Corporation. (2023). *ESG Guidebook*. International Finance Corporation.
- McDonough, W., & Braungart, M. (2002). *Cradle to cradle: Remaking the way we make things*. North Point Press.
- NielsenIQ Vietnam. (2023). *Sustainability and consumer priorities in Vietnam*. NielsenIQ.
- Porter, M. E., & Kramer, M. R. (2011). Creating shared value. *Harvard Business Review*, 89(1/2), 62-77. <https://hbr.org/2011/01/the-big-idea-creating-shared-value>
- PRO Vietnam. (2023). *Annual Sustainability Report*. PRO Vietnam.
- PricewaterhouseCoopers Vietnam & Vietnam Institute of Directors. (2022). *Vietnam ESG Readiness Report 2022: From ambition to impact*. PricewaterhouseCoopers Vietnam
- United Nations Environment Programme. (2022). *Single-use plastics: A roadmap for sustainability (2nd ed.)*. United Nations
- United Nations Development Programme, & Climate Bonds Initiative. (2024). *Sustainable packaging from agricultural byproducts - Business model and impact*. SDG Investor Platform.
- United Nations Environment Programme, & Global Alliance for Buildings and Construction. (2024). *Global status report for buildings and construction*. United Nations.
- United Nations Development Programme & Bộ Kế hoạch và Đầu tư. (2023). *Green Innovation Grant - Supporting ESG-driven innovation ecosystems in Vietnam*.
- VietnamFinance. (2025). *Doanh nghiệp Việt vẫn “mù mờ” về ESG*. VietnamFinance. <https://vietnamfinance.vn/doanh-nghiep-vua-va-nho-van-mo-ho-ve-khai-niem-esg-d124789.html>
- Vietnam Chamber of Commerce and Industry. (2024). *Công bố các doanh nghiệp bền vững tại Việt Nam năm 2024*. Vietnam Chamber of Commerce and Industry.
- World Bank. (2022). *Vietnam: Plastic waste management and recycling*. World Bank Group.